

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày: 13/6/2022

V/v" tranh chấp hợp đồng mua bán"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thắm

2. Ông Đỗ Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà ả guyễn Thị S, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp T T, xã T, huyện G, tỉnh B

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị I, sinh năm: 1978

Ông ả guyễn Thanh B, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Đồng địa chỉ: ấp T, xã S, huyện G, tỉnh B

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S, bà I có mặt; ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà là chủ cửa hàng chuyên bán thức ăn gia súc gia cầm có đăng ký kinh doanh. Thời gian từ ngày 05/10/2020, bà Mai Thị I có đến cửa hàng của bà mua thức ăn về chăn nuôi vịt và heo với hình thức bao chuồng, mua trước trả sau. Hai bên chỉ hợp đồng miệng nhưng có sổ theo dõi cụ thể về việc mua bán và số tiền nợ cũng như số tiền trả của bên mua. Đến ngày 16/10/2021, bà Inh đã xuất chuồng bán hết heo, vịt nhưng không trả tiền thức ăn theo đúng hợp đồng. Vì thấy số tiền nợ quá nhiều, bà có điện thoại nhiều lần và có đến nhà nhắc nhở về số tiền nợ nhưng bà I cứ hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện trả cho bà. Đến ngày 25/11/2021, hai bên chốt nợ số tiền bà I còn thiếu của bà là 603.440.000 đồng nhưng bà vẫn tiếp tục bán thức ăn cho bà Inh đến ngày 01/11/2021, bà I

tiếp tục thiếu tiền thức ăn của bà là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Sau đó, bà I không còn mua thức ăn của bà nữa.

Hiện tại bà I và ông B là vợ chồng còn đang chung sống, việc chăn nuôi nhằm sinh hoạt chung trong gia đình nên bà yêu cầu bà Mai Thị I và ông ả guyễn Thanh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền mua thức ăn là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) tiền gốc, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày bà khởi kiện đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền mua thức ăn đối với bà I và ông B. Bà có yêu cầu bà Inh cùng ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ mua thức ăn là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) tiền gốc. Bà rút yêu cầu đối với việc tính lãi, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là bà Mai Thị I trình bày:

Bà đồng ý có mua thức ăn gia súc của bà S để nuôi heo, vệt như bà S trình bày nhưng do mới nuôi chưa có kinh nghiệm chăn nuôi nên thất thoát quá nhiều tiền vốn. Sau đó, bà S kêu bà xây chuồng nuôi heo, bà S bắt con giống và bỏ thức ăn bao chuồng. Trong thời gian gián cách, giá gia súc lên xuống, một số bệnh chết nên bà còn nợ tiền thức ăn của bà S và bà S không bỏ thức ăn nữa và gởi đơn kiện. Theo yêu cầu của bà S, bà đồng ý đến nay bà còn thiếu tiền thức ăn của bà S là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), bà đồng ý trả số tiền thiếu thức ăn này nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, bà phải nuôi con còn nhỏ ăn học, không có khả năng trả một lần mà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ.

Đối với việc bà S kiện ông ả guyễn Thanh B là chồng của bà, hiện tại bà và ông B là vợ chồng, còn chung sống, không có ly hôn nhưng ông B không có tham gia trong việc mua bán thức ăn này, việc chăn nuôi chỉ có một mình bà làm nên ông B không có trách nhiệm cùng bà trả nợ mà chỉ một mình bà có trách nhiệm trả nợ cho bà S.

Tại phiên tòa, bà Mai Thị I vẫn giữ ý kiến, bà đồng ý còn nợ của bà S số tiền là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), bà xin trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ. Bà không đồng ý ông ả guyễn Thanh B cùng bà có trách nhiệm trả nợ cho bà S.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng... Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Đối với nguyên đơn là bà S và bị đơn là bà Inh đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật; Đối với ông ả guyễn Thanh B là đồng bị đơn trong vụ án không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Việc bà I có mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm của bà S và bà Inh còn nợ tiền thức ăn là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) là có căn cứ, bà I thừa nhận còn nợ và đồng ý trả. Tuy nhiên, bà I cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn và xin trả dần, bà S không đồng ý. Bà I đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S, do đó, có căn cứ buộc bà I có trách nhiệm trả số tiền nợ của bà S là có cơ sở chấp nhận.

Bà I cho rằng ông B là chồng của bà không trực tiếp mua thức ăn và cũng không có trực tiếp chăn nuôi, chỉ một mình bà nhưng mục đích là nhằm sinh hoạt chung trong gia đình. Bà I và ông B có đăng ký kết hôn và hiện cùng chung sống. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà S, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, buộc ông B có trách nhiệm liên đới với bà I trả số tiền nợ mua thức ăn của bà S là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Ông ả guyễn Thanh B là đồng bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] *Nội dung vụ án:*

Từ ngày 05/10/2020 đến ngày 01/11/2021, bà Mai Thị I có trực tiếp hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với cửa hàng mua bán thức ăn của bà ả guyễn Thị S tại ấp T T, xã T, huyện G, tỉnh B về chăn nuôi vịt, heo. Hai bên hợp đồng miệng và cùng thỏa thuận với nhau, bà S cung cấp thức ăn cho bà I, đến khi bà I bán heo, vịt thì bà I sẽ trả hết tiền nợ thức ăn cho bà S. Hai bên thực hiện hợp đồng theo hình thức gói đầu. Mỗi lần giao thức ăn cho bà I thì hai bên đều có ghi sổ theo dõi số lượng bao thức ăn, ngày giao và theo dõi số tiền nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Hai bên thực hiện việc mua bán thức ăn đến ngày 16/10/2021, bà I đã xuất chuồng bán hết heo, vịt nhưng không trả tiền thức ăn theo đúng hợp đồng cho bà S, bà S và bà I có đối chiếu sổ sách và ký tên vào sổ theo dõi. Đến hiện tại, bà I còn nợ bà S số tiền 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán thức ăn giữa bà S với bà I là việc hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau không trái với quy định và đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, bà S và bà I đều thống nhất hiện tại bà I còn nợ của bà S số tiền là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

ả hư vậy, việc bà I còn thiếu số tiền của bà S là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) và bà S có yêu cầu đòi lại số

tiền này mà bà I không thực hiện là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà S. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà I có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) cho bà S là phù hợp.

Bà I đồng ý còn nợ tiền mua thức ăn của bà S và đồng ý trả số tiền này nhưng bà cho rằng hiện tại hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, bà phải nuôi con còn nhỏ ăn học, không có khả năng trả 01 lần mà xin trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ. Đối với yêu cầu này của bà I, bà S không đồng ý. Do đó, yêu cầu của bà I là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của bà I.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, Bà S không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà S nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà S đối với yêu cầu tính lãi.

Xét về trách nhiệm liên đới: Hiện tại ông B và bà I là vợ chồng hợp pháp, cùng sống chung, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà I mua thức ăn gia súc, gia cầm nhằm mục đích phát triển kinh tế trong gia đình. Mặc dù ông B không có trực tiếp tham gia vào việc mua thức ăn của bà S nhưng việc bà I mua thức ăn về chăn nuôi một thời gian dài, ông B biết. Bà I cũng thừa nhận bà sử dụng tiền bán gia súc, gia cầm để phục vụ sinh hoạt trong gia đình, xây dựng nhà cửa, lo cho con ăn học. Mọi chi tiêu trong gia đình do bà I lo. Do đó, căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử buộc ông B có trách nhiệm liên đới cùng bà I trả tiền nợ mua thức ăn của bà S cho bà S là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà I và ông B có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền nợ mua thức ăn là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Buộc bà Mai Thị I và ông ả guyễn Thanh Bì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 28.762.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Do yêu cầu của bà ả guyễn Thị S được chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí là 14.381.000 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004599 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 330, 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; ả ghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà ả guyễn Thị S về việc yêu cầu bà Mai Thị I và ông ả guyễn Thanh B có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền nợ mua bán thức ăn là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

2. Buộc bà Mai Thị I và ông ả guyễn Thanh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà ả guyễn Thị S số tiền nợ mua bán thức ăn là 619.055.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

3. Đình chỉ yêu cầu về việc tính lãi của bà ả guyễn Thị S.

4. Bác yêu cầu của bà Mai Thị I về việc yêu cầu trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Mai Thị I và ông ả guyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 28.762.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn lại cho bà ả guyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.381.000 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004599 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

6. Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với các đương sự có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà ả guyễn Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Mai Thị I và ông ả guyễn Thanh B chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà I, ông B còn phải trả cho bà S số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS& D huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAA D tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền